

Số: /TB-UBND

Chí Linh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 14/05/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân phường Chí Linh tiếp nhận và thông báo các nội dung sau:

1. Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 14/05/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng. (có danh mục thủ tục hành chính cụ thể kèm theo).

2. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công phường có trách nhiệm tiếp nhận niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

3. Thông tin thủ tục hành chính tại khoản 1 thông báo này được niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử phường (tại địa chỉ <http://chilinh.haiphong.gov.vn>).

Ủy ban nhân dân phường Chí Linh thông báo để các phòng, ban, đơn vị triển khai thực hiện; cá nhân, tổ chức liên quan được biết và liên hệ giải quyết thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Trung tâm PVHCC phường;
- Các phòng, ban đơn vị liên quan;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hồng Vân

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2026/NQ-CP NGÀY 29/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chí Linh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (64 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (64 TTHC)							
A1. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (16 TTHC)							
1.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến bộ ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành)	- 3,5 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến bộ ngành) - 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương và 05 ngày làm việc của Bộ quản lý chuyên ngành (trường hợp phải xin ý kiến bộ ngành)	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày
2.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến bộ	- 2,5 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) - 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm	Không có	

			quản lý chuyên ngành)	và 05 ngày làm việc của Bộ quản lý chuyên ngành (trường hợp phải xin ý kiến bộ quản lý chuyên ngành)	PVHCC cấp xã		05/7/2016 của Bộ Công Thương Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3.	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	- 3,5 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) - 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương và 05 ngày làm việc của Bộ quản lý chuyên ngành (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.
4.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) hoặc 13 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)	- 2,5 ngày làm việc (trường hợp không phải xin ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành) - 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương và 05 ngày làm việc của Bộ quản lý chuyên ngành (trường hợp phải xin	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày

				ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành)			<p>20 ngày 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.</p>
--	--	--	--	---------------------------------	--	--	--

5.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí)	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;
6.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	14 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
7.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối	28 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	14 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung	Không có	

		bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí			tâm PVHCC cấp xã		- Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
8.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	14 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.
9.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
10.	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung	Không có	

		số 09/2018/NĐ-CP			tâm PVHCC cấp xã		
11.	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
12.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	58 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	29 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
13.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	

14.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	58 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	29 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
15.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
16.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	27,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	
A2. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (06 TTHC)							
1.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ	- Trung tâm	600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày

		làm đại lý bán lẻ xăng dầu	sơ hợp lệ	sơ hợp lệ	PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	thẩm định (Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính, thời gian hiệu lực đến hết 31/12/2026)	03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
2.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
3.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung	Không có	- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014

					tâm PVHCC cấp xã		của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
4.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính, thời gian hiệu lực đến hết 31/12/2026)	- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;
5.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số
6.	2.000647	Cấp lại Giấy	05 ngày làm việc kể	05 ngày làm việc kể	- Trung	Không có	

		chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã		quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.
A3. LĨNH VỰC ĐIỆN (08 TTHC)							
1.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	2.100.000	- Luật điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;
2.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm	800.000	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân

					PVHCC cấp xã		cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
3.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	700.000	+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
4.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	700.000	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;
5.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	(1) 1.050.000 (Đổi với lĩnh vực phát điện) (2) 400.000 (đổi với lĩnh vực phân phối điện); (3) 350.000 (đổi với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện)	- Thông tư số 30/2026/TT-BCT ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

6.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	(1) 1.050.000 (Đổi với lĩnh vực phát điện) (2) 400.000 (đổi với lĩnh vực phân phối điện; (3) 350.000 (đổi với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện)	
7.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	(1) 1.050.000 (Đổi với lĩnh vực phát điện) (2) 400.000 (đổi với lĩnh vực phân phối điện; (3) 350.000 (đổi với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện); (4) Miễn phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với trường hợp do thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị	

						hành chính các cấp.	
8.	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	(1) 1.050.000 (Đổi với lĩnh vực phát điện) (2) 400.000 (đổi với lĩnh vực phân phối điện; (3) 350.000 (đổi với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện)	
A4. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (04 TTHC)							
1.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

								<p>+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP</p> <p>+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	--

							điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi của Bộ Công Thương; + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh
3.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	

					PVHCC cấp xã		doanh thuốc lá. + Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. + Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh
4.	1.001335	Chấp thuận Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	

							doanh thuốc lá. + Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
A5. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (13 TTHC)							
1.	1.001399	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam	- 15 ngày làm việc - 40 ngày (trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ: Công an, Quốc phòng)	- 15 ngày làm việc - 40 ngày (trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ: Công an, Quốc phòng)	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; - Nghị định số 14/2024
2.	1.001391	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam	- 8 ngày làm việc	- 8 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC	Không quy định	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển

					cấp xã		ngoại thương;
3.	1.001384	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam	- 10 ngày làm việc theo điểm a khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP. - 26 ngày đối với hồ sơ theo điểm b khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP.	- 10 ngày làm việc theo điểm a khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP. - 26 ngày đối với hồ sơ theo điểm b khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP.	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.
4.	1.001076	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam	- 8 ngày làm việc	- 8 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;
5.	1.001036	Chấm dứt và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài tại Việt Nam	Trường hợp chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, sau 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của	Trường hợp chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, sau 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 14/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; - Nghị quyết số

			Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan cấp Giấy phép xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc	Văn phòng đại diện mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan cấp Giấy phép xem xét, chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và rút Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc			19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.
6.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Không quy định	Không quy định	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số
7.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không quy định	Không quy định	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm	Không quy định	

					PVHCC cấp xã		128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
8.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đổi với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;
9.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đổi với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ

		ương					sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
10	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về Cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;
11	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
12	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành	Không quy định	định số

					phố - Trung tâm PVHCC cấp xã		81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
13	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	

A6. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (06 TTHC)

1.	1.001062	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công TP. Hải Phòng	Không có	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;
2.	1.000890	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC	Không có	+ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Nghị quyết số

					cấp xã	<p>19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</p> <p>+ Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;</p> <p>+ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản</p>
--	--	--	--	--	--------	---

							lý của Bộ Công Thương.
3.	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
4.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt
5.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	

							giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
6.	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Nghị quyết số

							19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; + Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu
A7. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (10 TTHC)							
1.	1.014728	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính. - 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác	- 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 13 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15; - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số

			với địa phương đặt trụ sở chính	chính).			01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
2.	1.014732	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính. - 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính	- 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 13 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính).	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.
3.	1.014735	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt	- 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	

			trụ sở chính. - 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính	chính) - 13 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính).	tâm PVHCC cấp xã		
4.	1.014734	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- 2,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	
5.	1.014733	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2	- 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính. - 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ với Trường hợp cơ sở sản xuất,	- 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên địa phương đặt trụ sở chính) - 13 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, lưu trữ trên		Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	

			kinh doanh, lưu trữ trên địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính	địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính).			
6.	1.014721	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện	- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính) - 15 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	- 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính). - 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	
7.	1.014720	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện	- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức	- 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	

			<p>được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính).</p> <p>- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)</p>	<p>quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính).</p> <p>- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)</p>			
8.	1.014714	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện	- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức	- 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	

			<p>hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính).</p> <p>- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)</p>	<p>chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính).</p> <p>- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)</p>	tâm PVHCC cấp xã		
9.	2.002834	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	3 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	

		xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện			thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	
10	1.014710	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	- 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính). - 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa	- 6 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính). - 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức hoặc tổ chức thuê dịch vụ tồn	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

			chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)	được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)			
A8. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01 TTHC)							
1.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	43 ngày làm việc	21,5 ngày làm việc	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không quy định	-Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương - Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. - Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024

							<p>của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 200/2025/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND thành phố ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.</p>
--	--	--	--	--	--	--	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (29 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC bãi bỏ
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (26 TTHC)			
A1. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (12 TTHC)			
1.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
3.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
4.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm	

		thuốc lá	
5.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	
6.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	
7.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
8.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
9.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	
10.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
11.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
12.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	
A2. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG (03 TTHC)			
1.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	
2.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	
A3. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (11 TTHC)			
1.	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều

		(nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	
3.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	
4.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	
5.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	
6.	2.001264	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	
7.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	
8.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	
9.	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	
10.	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	
11.	1.001370	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất,	

		khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)			
B1. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (03 TTHC)			
1.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
3.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (PHÂN CẤP) THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2026/NQ-CP NGÀY 29/4/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (12 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. LĨNH VỰC HÓA CHẤT (10 TTHC)							
1.	1.014700	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	5 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Luật Hoá chất số 69/2025/QH15. + Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. + Thông tư số 01/2026/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
2.	1.014701	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	3 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	

3.	1.014702	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	5 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định 5 cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.
4.	1.014703	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1	3 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	+ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
5.	1.014707	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	5 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	
6.	1.014708	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	3 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	

7.	1.014709	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm	5 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	
8.	1.013340	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	+ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; + Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; + Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; + Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; + Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy
9.	1.013350	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	

10.	1.013351	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy; + Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. + Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. + Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
-----	----------	--	--	---	---	---	---

B. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (02 TTHC)

1.	1.012168	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công TP. Hải Phòng	Không quy định	- Nghị định số 77/2023/NĐ-CP ngày 02/11/2023 về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên thái bình dương; - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục
----	----------	--	---	--	---	----------------	---

							hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương;
2.	1.012527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công TP. Hải Phòng	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17/06/2024 của Chính phủ quy định về việc quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len. - Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc quản lý của Bộ Công Thương.